

1. MỤC TIÊU

1.1. **Kiến thức.** Học sinh ôn tập các kiến thức về:

- Chương I: Sử dụng bản đồ.
- Chương II: Trái đất.
- Chương III: Thạch quyển.

1.2. **Kĩ năng:** Học sinh rèn luyện các kĩ năng:

- Kĩ năng đọc Átlát
- Kĩ năng nhận xét biểu đồ và nhận diện biểu đồ (tròn, đường, cột).
- Kĩ năng tính giờ.

2. NỘI DUNG

2.1. Các dạng câu hỏi định tính:

Câu 1: Trình bày các phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ?

Câu 2: Nêu ý nghĩa của GPS và bản đồ số?

Câu 3: Trình bày đặc điểm vỏ Trái Đất?

2.2. Các dạng câu hỏi định lượng:

Câu 1: Phân biệt sự khác nhau giữa vỏ Trái đất và thạch quyển

Câu 3: Trình bày hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất

2.3. Ma trận

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng số câu	
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	TN	TL
1	Chương I. Sử dụng BĐ I. Một số phương pháp... II. Sử dụng BĐ..	5	4			9	
2	Chương II. Trái đất I. Sự hình thành TĐ.. II. Hệ quả địa lí..	3	4	1	1	9	
3	Chương III. Thạch quyển I. Thạch quyển.. II. Nội lực và ngoại lực	2	2	1	1	6	
4	- Vẽ, nhận xét BĐ						1
Tổng		10	10	2	2	24	1

2.4. Câu hỏi và bài tập minh họa

CHƯƠNG I: SỬ DỤNG BẢN ĐỒ

Câu 1. Phương pháp kí hiệu thường được dùng để thể hiện các đối tượng địa lí có đặc điểm nào sau đây?

- A. Phân bố với phạm vi rộng lớn. B. Phân bố theo những điểm cụ thể.
C. Phân bố theo dải. D. Phân bố không đồng đều.

Câu 2. Phương pháp bản đồ - biểu đồ thường được dùng để thể hiện

- A. chất lượng của 1 hiện tượng địa lí trên 1 đơn vị lãnh thổ.
B. giá trị tổng cộng của 1 hiện tượng địa lí trên 1 đơn vị lãnh thổ.
C. tính chất của 1 hiện tượng địa lí trên 1 đơn vị lãnh thổ.
D. động lực phát triển của 1 hiện tượng địa lí trên 1 đơn vị lãnh thổ.

Câu 3. Phương pháp chấm điểm thường được dùng để thể hiện các đối tượng địa lí có đặc điểm nào sau đây?

- A. Phân bố phân tán, lẻ tẻ. B. Phân bố tập trung theo điểm.
C. Phân bố theo tuyến. D. Phân bố ở phạm vi hẹp.

Câu 4. Phương pháp khoanh vùng thường được dùng để thể hiện các đối tượng địa lí có đặc điểm nào sau đây?

- A. Phân bố tập trung theo điểm. B. Phân bố ở những khu vực nhất định .
C. Phân bố đều khắp trên lãnh thổ. D. Phân bố phân tán, lẻ tẻ.

Câu 5. Để thể hiện sự di chuyển của các đối tượng, hiện tượng tự nhiên, kinh tế-xã hội trên bản đồ sử dụng phương pháp biểu hiện nào sau đây?

- A. Phương pháp kí hiệu. B. Phương pháp kí hiệu đường chuyên động.
 C. Phương pháp chấm điểm. D. Phương pháp bản đồ-biểu đồ.
- Câu 6.** Để thể hiện thể hiện giá trị tổng cộng của một hiện tượng địa lí trên 1 đơn vị lãnh thổ dùng phương pháp biểu hiện nào sau đây?
 A. Phương pháp kí hiệu. B. Phương pháp kí hiệu đường chuyên động.
 C. Phương pháp chấm điểm. D. Phương pháp bản đồ-biểu đồ.
- Câu 7.** Đồi tượng địa lí nào sau đây thường được biểu hiện bằng phương pháp kí hiệu?
 A. Gió mùa. B. Sự phân bố dân cư. C. Cảng biển. D. Đồng bằng.
- Câu 8.** Luồng di dân thường được biểu hiện trên bản đồ bằng phương pháp biểu hiện nào sau đây?
 A. Phương pháp kí hiệu. B. Phương pháp chấm điểm.
 C. Phương pháp kí hiệu đường chuyên động. D. Phương pháp bản đồ - biểu đồ.
- Câu 9.** Các điểm du lịch thường được biểu hiện trên bản đồ bằng phương pháp biểu hiện nào sau đây?
 A. Phương pháp khoanh vùng. B. Phương pháp vùng phân bố.
 C. Phương pháp chấm điểm. D. Phương pháp kí hiệu.
- Câu 10.** Phương pháp biểu hiện nào sau đây thường được dùng để thể hiện số lượng đàn bò của các tỉnh ở nước ta?
 A. Phương pháp khoanh vùng. B. Phương pháp vùng phân bố.
 C. Phương pháp bản đồ-biểu đồ. D. Phương pháp khoanh vùng.
- Câu 11.** Bản đồ không phải là một phương tiện chủ yếu để học sinh
 A. rèn luyện kĩ năng địa lí. B. khai thác kiến thức địa lí.
 C. xem các tranh ảnh địa lí. D. củng cố hiểu biết địa lí.
- Câu 12.** Kí hiệu của bản đồ dùng để thể hiện
 A. các đối tượng địa lí trên bản đồ. B. tỉ lệ của bản đồ so với thực tế.
 C. hệ thống đường kinh, vĩ tuyến. D. bảng chú giải của một bản đồ.
- Câu 13.** Tỉ lệ 1 : 9.000.000 cho biết 1 cm trên bản đồ ứng với ngoài thực địa là
 A. 90 km. B. 90 m. C. 90 dm. D. 90 cm.
- Câu 14.** Muốn tìm hiểu được nội dung của bản đồ, trước hết cần phải nghiên cứu kĩ phần
 A. chú giải và kí hiệu. B. kí hiệu và vĩ tuyến.
 C. vĩ tuyến và kinh tuyến. D. kinh tuyến và chú giải.
- Câu 15.** Để xác định phương hướng chính xác trên bản đồ, cần phải dựa vào
 A. chú giải và kí hiệu. B. các đường kinh, vĩ tuyến.
 C. kí hiệu và vĩ tuyến. D. kinh tuyến và chú giải.
- Câu 16.** Để giải thích sự phân bố dân cư của một lãnh thổ cần sử dụng kết hợp giữa bản đồ kinh tế và bản đồ nào sau đây?
 A. Bản đồ khoáng sản. B. Bản đồ các dân tộc. C. Bản đồ sinh vật. D. Bản đồ địa hình
- Câu 17.** Để giải thích sự phân bố của ngành công nghiệp khai khoáng và luyện kim cần sử dụng bản đồ nào sau đây?
 A. Bản đồ khoáng sản. B. Bản đồ các khí hậu.
 C. Bản đồ sinh vật. D. Bản đồ địa hình
- Câu 18.** Để giải thích chế độ nước của một hệ thống sông, cần phải sử dụng bản đồ sông ngòi và các bản đồ
 A. khí hậu, sinh vật. B. địa hình, thô nhưỡng.
 C. khí hậu, địa hình. D. thổ nhưỡng, khí hậu.
- Câu 19.** GPS có thể xác định vị trí của bất kì đối tượng nào trên bề mặt Trái Đất là nhờ
 A. internet. B. thiết bị điện tử.
 C. phần mềm, ứng dụng. D. hệ thống vệ tinh.
- Câu 20.** Ứng dụng nào sau đây không phải của GPS và bản đồ số?
 A. Quản lí và điều hành sự di chuyển. B. Tính toán quãng đường di chuyển.
 C. Ghi hình lại hành trình di chuyển. D. Hỗ trợ tìm người, thiết bị đã mất.
- CHƯƠNG II: TRÁI ĐẤT**
- Câu 1.** Trong quá trình hình thành, khí và bụi ngưng tụ thành Trái Đất là do lực hấp dẫn của Vũ trụ, mà trước hết là của
 A. Mặt Trăng. B. Mặt Trời. C. Hỏa Tinh. D. Thủy tinh.
- Câu 2.** Vào cuối thời kì vật chất ngưng tụ, khi Trái Đất đã có khối lượng gần như hiện nay, hiện tượng gì đã diễn ra?
 A. Trái Đất trải qua kỉ băng hà. B. Không có gì thay đổi.
 C. Quá trình tăng nhiệt bắt đầu diễn ra. D. Trái Đất bắt đầu có nước.

Câu 3. Vỏ Trái Đất là lớp vật chất nằm ở

- A. ngoài cùng của Trái Đất. B. ở giữa lớp Manti và Nhân.
C. trong cùng của Trái Đất. D. nằm bên dưới lớp Manti.

Câu 4. Theo thứ tự từ trên xuống dưới, vỏ Trái Đất cấu tạo bao gồm

- A. tầng trầm tích, tầng badan, tầng granit. B. tầng badan, tầng granit, tầng trầm tích.
C. tầng granit, tầng badan, tầng trầm tích. D. tầng trầm tích, tầng granit, tầng badan.

Câu 5. Tầng nào sau đây được cấu tạo chủ yếu gồm các loại đá nhẹ tạo nên?

- A. Tầng trầm tích. B. Tầng badan. C. Tầng granit. D. Tầng manti.

Câu 6. Lớp vỏ lục địa được cấu tạo chủ yếu bằng

- A. trầm tích. B. granit. C. badan. D. đá vôi.

Câu 7. Lớp vỏ đại dương được cấu tạo chủ yếu bằng

- A. trầm tích. B. granit. C. badan. D. đá vôi.

Câu 8. Vật liệu cấu tạo nên vỏ Trái Đất chủ yếu là

- A. macma. B. Sắt và Niken. C. vật liệu vụn bở. D. đá và khoáng vật.

Câu 9. Đá vôi là một loại đá thuộc nhóm nào sau đây?

- A. Đá macma. B. Đá trầm tích. C. Đá biến chất. D. Đá nhân tạo.

Câu 10. Đá badan là một loại đá thuộc nhóm nào sau đây?

- A. Đá macma. B. Đá trầm tích. C. Đá biến chất. D. Đá nhân tạo.

Câu 11. Nguyên nhân dẫn đến sự luân phiên ngày đêm là do

- A. Trái Đất hình khối cầu, tự quay quanh trục và được Mặt Trời chiếu sáng.
B. Trái Đất hình khối cầu, quay quanh Mặt Trời và được Mặt Trời chiếu sáng.
C. Trái Đất hình khối cầu, trục Trái Đất nghiêng và được Mặt Trời chiếu sáng.
D. Trái Đất giữ nguyên hướng nghiêng khi chuyển động xung quanh Mặt trời.

Câu 12. Chuyển động quay quanh Mặt Trời của Trái Đất đã gây ra hệ quả nào sau đây?

- A. Sự luân phiên ngày đêm. B. Giờ trên Trái Đất.
C. Đường chuyển ngày quốc tế. D. Các mùa trong năm.

Câu 13. Giờ quốc tế còn được gọi là giờ

- A. địa phương. B. khu vực. C. múi. D. GMT.

Câu 14. Mỗi múi giờ rộng

- A. 11 độ kinh tuyến. B. 13 độ kinh tuyến.
C. 15 độ kinh tuyến. D. 18 độ kinh tuyến.

Câu 15. Khi giờ GMT là 23 giờ ngày 15 tháng 7 năm 2022, thì ở Hà Nội là

- A. 6 giờ ngày 16 tháng 7 năm 2022. B. 7 giờ ngày 15 tháng 7 năm 2022.
C. 7 giờ ngày 16 tháng 7 năm 2022. D. 6 giờ ngày 15 tháng 7 năm 2022.

Câu 16. Khi ở múi giờ -8 là 20 giờ ngày 25 tháng 7 năm 2022, thì ở múi giờ số 7 là

- A. 12 giờ ngày 26 tháng 7 năm 2022. B. 11 giờ ngày 26 tháng 7 năm 2022.
C. 12 giờ ngày 25 tháng 7 năm 2022. D. 11 giờ ngày 25 tháng 7 năm 2022.

Câu 17. Mặt Trời chiếu thẳng góc ở chí tuyến Bắc vào ngày

- A. 21/3 B. 22/6. C. 23/9. D. 22/12.

Câu 18. Phát biểu nào sau đây không đúng với hiện tượng mùa trên Trái Đất?

- A. Mùa là một phần thời gian của năm. B. Đặc điểm khí hậu các mùa khác nhau.
C. Do Trái Đất tự quay quanh trục gây ra. D. Các mùa có lượng bức xạ khác nhau.

Câu 19. Mùa xuân ở các nước theo dương lịch tại bán cầu Bắc được tính từ ngày

- A. 21/3. B. 22/6. C. 23/9. D. 22/12.

Câu 20. Nơi nào sau đây trong năm luôn có thời gian ngày và đêm dài bằng nhau?

- A. Chí tuyến. B. Vòng cực. C. Cực. D. Xích đạo.

CHƯƠNG III: THẠCH QUYỂN.

Câu 1. Thạch quyển được hợp thành bởi lớp vỏ Trái Đất và

- A. phần trên của lớp Manti. B. phần dưới của lớp Manti.
C. nhân ngoài của Trái Đất. D. nhân trong của Trái Đất.

Câu 2. Nhận định nào sau đây **không** đúng về nơi tiếp xúc của các mảng kiến tạo?

- A. Có xảy ra các loại hoạt động kiến tạo. B. Những vùng ổn định của vỏ Trái Đất.
C. Có nhiều hoạt động núi lửa, động đất. D. Có những sông núi ngầm ở đại dương.

Câu 3. Nhận định nào sau đây đúng về Thạch quyển?

- A. Thạch quyển chính là vỏ Trái Đất.
B. Thạch quyển bao gồm vỏ Trái Đất và toàn bộ lớp manti.

C. Thạch quyển chính là tầng trầm tích của vỏ Trái Đất.

D. Thạch quyển bao gồm vỏ Trái Đất và phần trên của lớp manti.

Câu 4. Thuyết kiến tạo mảng đề cập đến

A. nguồn gốc hình thành Trái Đất.

B. quá trình hình thành lục địa và đại dương.

C. sự chuyển động của các mảng kiến tạo.

D. nguyên nhân hình thành các dạng địa hình.

Câu 5. Dạng địa hình nào sau đây là kết quả của hai mảng lục địa xô vào nhau?

A. Dãy Himalaya.

B. Rãnh Mariana.

C. Sóng núi ngầm giữa Đại Tây Dương.

D. Vực biển Peru-Chile.

Câu 6. Nội lực là lực phát sinh từ

A. bên trong Trái Đất.

B. bên ngoài Trái Đất.

C. bức xạ của Mặt Trời.

D. nhân của Trái Đất.

Câu 7. Nguồn năng lượng sinh ra nội lực **không** phải là của

A. sự phân huỷ các chất phóng xạ.

B. sự dịch chuyển các dòng vật chất.

C. các phản ứng hoá học khác nhau.

D. bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất.

Câu 7. Biểu hiện nào sau đây **không** phải là do tác động của nội lực?

A. Lục địa được nâng lên hay hạ xuống.

B. Các lớp đất đá bị uốn nếp hay đứt gãy.

C. Đá nứt vỡ do nhiệt độ thay đổi đột ngột.

D. Sinh ra hiện tượng động đất, núi lửa.

Câu 9. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vận động nội lực theo phương thẳng đứng?

A. Xảy ra chậm và trên một diện tích lớn.

B. Hiện nay vẫn tiếp tục xảy ra một số nơi.

C. Làm cho lục địa nâng lên hay hạ xuống.

D. Gây ra các hiện tượng uốn nếp, đứt gãy.

Câu 10. Tác động nào sau đây làm cho biển tiến và biển thoái?

A. Lục địa nâng lên, hạ xuống.

B. Các lớp đá mềm bị uốn nếp.

C. Các lớp đá cứng bị đứt gãy.

D. Động đất, núi lửa hoạt động.

Câu 11. Ngoại lực có nguồn gốc từ

A. bên trong Trái Đất.

B. bên ngoài Trái Đất.

C. lớp Manti của Trái Đất.

D. nhân của Trái Đất.

Câu 12. Nguồn năng lượng sinh ra ngoại lực chủ yếu là của

A. sự phân huỷ các chất phóng xạ.

B. sự dịch chuyển các dòng vật chất.

C. các phản ứng hoá học khác nhau.

D. bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất.

Câu 13. Yếu tố nào sau đây không thuộc về ngoại lực?

A. Khí hậu.

B. Sinh vật.

C. Con người.

D. Kiến tạo.

Câu 14. Các quá trình ngoại lực bao gồm:

A. phong hoá, nâng lên, vận chuyển, bồi tụ.

B. phong hoá, bóc mòn, vận chuyển, bồi tụ.

C. phong hoá, hạ xuống, vận chuyển, bồi tụ.

D. phong hoá, uốn nếp, vận chuyển, bồi tụ.

Câu 15. Quá trình phong hoá xảy ra là do tác động của

A. nhiệt độ, nước, sinh vật.

B. sinh vật, nhiệt độ, đất.

C. đất, nhiệt độ, địa hình.

D. địa hình, nước, khí hậu.

2.5. Đề minh họa (ra một đề minh họa theo đúng ma trận đã thống nhất)

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - LỚP 10
NĂM HỌC 2023 - 2024

Môn: ĐỊA LÍ

Mã đề thi: 01

Thời gian: 45 phút (Không kể thời gian giao đề)

Họ, tên thí sinh:.....Lớp.....

PHẦN I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (6 điểm)

(Chọn một đáp án đúng nhất cho mỗi câu sau)

Câu 1. Phương pháp kí hiệu thường được dùng để thể hiện các đối tượng địa lí có đặc điểm nào sau đây?

A. Phân bố với phạm vi rộng lớn.

B. Phân bố theo những điểm cụ thể.

C. Phân bố theo dải.

D. Phân bố không đồng đều.

Câu 2. Phương pháp chấm điểm thường được dùng để thể hiện các đối tượng địa lí có đặc điểm nào sau đây?

A. Phân bố phân tán, lẻ tẻ.

B. Phân bố tập trung theo điểm.

C. Phân bố theo tuyến.

D. Phân bố ở phạm vi hẹp.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây đúng với vận động nội lực theo phương thẳng nằm ngang?

- A. Xảy ra chậm và trên một diện tích lớn. B. Hiện nay vẫn tiếp tục xảy ra một số nơi.
C. Làm cho lục địa nâng lên hay hạ xuống. D. Gây ra các hiện tượng uốn nếp, đứt gãy.

Câu 4. Phong hoá lí học chủ yếu do

- A. sự thay đổi của nhiệt độ, sự đóng băng của nước. B. các hợp chất hoà tan trong nước, khí, axit hữu cơ.
C. tác động của sinh vật như vi khuẩn, nấm, rễ cây,... D. tác động của hoạt động sản xuất và của sinh vật.

Câu 5. Phong hoá sinh học chủ yếu do

- A. sự thay đổi của nhiệt độ, sự đóng băng của nước. B. các hợp chất hoà tan trong nước, khí, axit hữu cơ.
C. tác động của sinh vật như vi khuẩn, nấm, rễ cây. D. tác động của hoạt động sản xuất và của sinh vật.

Câu 6. Bản đồ không phải là một phương tiện chủ yếu để học sinh

- A. rèn luyện kĩ năng địa lí. B. khai thác kiến thức địa lí.
C. xem các tranh ảnh địa lí. D. củng cố hiểu biết địa lí.

Câu 7. Tỉ lệ 1: 2.000.000 cho biết 1 cm trên bản đồ ứng với ngoài thực địa là

- A. 20 km. B. 20 m. C. 20 dm. D. 20 cm.

Câu 8. Để sử dụng, khai thác bản đồ hiệu quả, cần phải lưu ý

- A. nội dung, yêu cầu của việc đọc bản đồ. B. hệ thống kí hiệu và vĩ tuyến.
C. mạng lưới kinh, vĩ tuyến. D. kinh tuyến và bảng chú giải.

Câu 9: Để giải thích sự phân bố dân cư của một lãnh thổ cần sử dụng kết hợp giữa bản đồ dân cư và bản đồ nào sau đây?

- A. Bản đồ khoáng sản. B. Bản đồ du lịch. C. Bản đồ sinh vật. D. Bản đồ địa hình

Câu 10. Phương pháp đường chuyển động **không** thể hiện được

- A. khối lượng của đối tượng. B. chất lượng của đối tượng.
C. hướng di chuyển đối tượng. D. tốc độ di chuyển đối tượng.

Câu 11. Để thể hiện hướng di chuyển của bão trên Biển Đông vào nước ta, thường dùng phương pháp

- A. kí hiệu theo đường. B. đường chuyển động. C. khoanh vùng. D. chấm điểm.

Câu 12. Để giải thích sự phân bố của một số trung tâm công nghiệp thực phẩm, cần sử dụng bản đồ công nghiệp và các bản đồ

- A. nông nghiệp, ngư nghiệp. B. ngư nghiệp, lâm nghiệp.
C. lâm nghiệp, dịch vụ. D. nông nghiệp, lâm nghiệp.

Câu 13. Đá macma được hình thành

- A. từ dưới sâu nóng chảy, trào lên mặt đất nguội đi.
B. ở nơi trũng do sự lắng tụ và nén chặt các vật liệu.
C. từ trầm tích bị thay đổi tính chất do nhiệt độ cao.
D. từ đá biến chất bị thay đổi tính chất do sức nén lớn.

Câu 14. Đá hoa là một loại đá thuộc nhóm nào sau đây?

- A. Đá macma. B. Đá trầm tích. C. Đá biến chất. D. Đá nhân tạo.

Câu 15. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các mảng kiến tạo?

- A. Phần nổi trên mực nước biển là lục địa, phần bị nước bao phủ là đại dương.
B. Các mảng nổi lên trên lớp vật chất quánh dẻo thuộc phần trên của lớp Man-ti.
C. Mỗi mảng đều trôi nổi tự do và di chuyển độc lập, tốc độ rất lớn trong năm.
D. Khi dịch chuyển, các mảng có thể tách rời, xô vào nhau, hoặc trượt qua nhau.

Câu 16. Chuyển động quay quanh Mặt Trời của Trái Đất đã gây ra hệ quả nào sau đây?

- A. Sự luân phiên ngày đêm. B. Giờ trên Trái Đất.
C. Đường chuyển ngày quốc tế. D. Ngày đêm dài ngắn khác nhau.

Câu 17. Về mùa hạ, ở các địa điểm trên bán cầu Bắc luôn có

- A. ngày dài hơn đêm. B. đêm dài hơn ngày,
C. ngày đêm bằng nhau. D. toàn ngày hoặc đêm.

Câu 18. Mỗi múi giờ rộng

- A. 11 độ kinh tuyến. B. 13 độ kinh tuyến. C. 15 độ kinh tuyến. D. 18 độ kinh tuyến.

Câu 19. Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất **không** phải là nguyên nhân chính gây nên hiện tượng

- A. sự luân phiên ngày đêm trên Trái Đất. B. Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày.
C. lệch hướng chuyển động của các vật thể. D. khác nhau giữa các mùa trong một năm.

Câu 20. Giờ địa phương giống nhau tại các địa điểm cùng ở trên cùng một

- A. vĩ tuyến. B. kinh tuyến. C. lục địa. D. đại dương.

Câu 21. Mùa thu ở các nước theo dương lịch tại bán cầu Bắc được tính từ ngày

- A. 21/3. B. 22/6. C. 23/9. D. 22/12.

Câu 22. Khu vực nào sau đây trong năm có từ một ngày đến sáu tháng luôn là toàn ngày?

A. Từ Xích đạo đến chí tuyến.

B. Từ chí tuyến đến vòng cực.

C. Từ vòng cực đến cực.

D. Từ cực đến chí tuyến.

Câu 23. Để phù hợp với thời gian nơi đến, khi đi từ phía tây sang phía đông qua kinh tuyến đổi ngày, cần

A. tăng thêm một ngày lịch.

B. lùi đi một ngày lịch,

C. giữ nguyên lịch ngày đi.

D. giữ nguyên lịch ngày đến.

Câu 24. Nhận định nào sau đây đúng về Thạch quyển?

A. Thạch quyển chính là vỏ Trái Đất.

B. Thạch quyển bao gồm vỏ Trái Đất và toàn bộ lớp manti.

C. Thạch quyển chính là tầng trầm tích của vỏ Trái Đất.

D. Thạch quyển bao gồm vỏ Trái Đất và phần trên của lớp manti.

PHẦN II. KĨ NĂNG (4 điểm)

Cho bảng số liệu sau:

Sản lượng lượng thực của thế giới giai đoạn 2000 - 2020 (Đơn vị: triệu tấn)

Năm	2000	2005	2013	2017	2020
Sản lượng	2060	2080	2518	2640	2718

1. Hãy vẽ biểu đồ (cột) thể hiện sản lượng lượng thực của thế giới giai đoạn 2000 -2020 (2 điểm)

2. Nhận xét về biểu đồ đã vẽ. (2 điểm)

-----HẾT-----

Học sinh chỉ được dùng Atlas thế giới. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Hoàng Mai, ngày 5 tháng 10 năm 2023
TỔ (NHÓM) TRƯỞNG